

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HS-PT

Ngày: 24-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Huỳnh Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 193/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024. Do có kháng cáo của người bị hại bà Nguyễn Thanh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2024/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bị cáo bị kháng cáo: **Huỳnh Thị Thúy L**, sinh ngày 01/01/1986 tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An; nơi thường trú mới: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Theo xác nhận số 00166.TB ngày 20/8/2024 của Công an xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; chồng Phạm Anh T2, sinh năm 1981 (đã ly hôn); có 03 người con, người con lớn sinh năm 2004 và người con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2015/HSST ngày 20/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xử phạt Huỳnh Thị Thúy L 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 6 tháng, về tội “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và các tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Chấp hành xong Bản án ngày 20/3/2018, đã được đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Thúy L: Luật sư Nguyễn Trí M – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh L (Có mặt).

Người bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bị kháng cáo:

1. Ông Lý Trọng T3, sinh năm 2003. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Ông Phạm Văn B. sinh năm 2004. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt).

Người làm chứng bị kháng cáo: Bà Nguyễn Thị ThúyHuỳnh Trung G, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 01 người liên quan và 01 người làm chứng không bị kháng cáo, kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Thị Thúy L và bị hại Nguyễn Thanh T có mối quan hệ họ hàng với nhau (mẹ ruột bị cáo L là em ruột của bị hại T). Trong năm 2022, bà T vay tiền nhiều lần của bị cáo L khoảng 2.700.000.000 đồng. Bị cáo L nhiều lần liên lạc với bà T để lấy tiền gốc và lãi suất, nhưng bà T tránh né, thường xuyên vắng nhà nên không liên hệ được. Đến ngày 18/5/2023, bị cáo L biết thông tin bà T về khóa cửa nhà tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để đi về quê chồng tại tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo L vì nóng lòng muốn lấy lại tiền nên nảy sinh ý định lấy tài sản trong nhà bà T đem bán lấy tiền trả nợ. Trước khi thực hiện hành vi lấy tài sản trong nhà của bà T, bị cáo L có nhờ bạn là ông Phan Nguyễn Hữu Đ (vì chỉ có Đ mới liên hệ qua Z được với bà T) chuyển tiếp tin nhắn có nội dung bị cáo L thông báo cho bà T biết việc bị cáo sẽ lấy tài sản của bà T để bán lấy tiền trả một phần tiền nợ nhưng bà T không trả lời tin nhắn.

Khoảng 07 giờ ngày 21/5/2023, bị cáo L đến nhà mẹ ruột bà T, gần sát với nhà của bà T tại ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Tại đây, bà Đặng Thị Xuân M1 (chị ruột bà T) bảo bị cáo L cắt cầu dao điện nhà bà T đề phòng cháy nổ, nghe vậy nên bị cáo L gọi cho Lý Trọng T3 (là em ruột của bị cáo L) đến và cắt rào lưới B40, xong T3 đi về nhà bà Ngô Thị Tuyết H (mẹ ruột bà T bị mất năng lực hành vi) để ngủ, còn bị cáo L và bà M1 đi vào nhà bà T, bị cáo kéo cầu dao điện xuống ngắt nguồn điện rồi đi về.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo L thuê 01 người thợ sửa máy lạnh (không rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà bà T tháo gỡ máy lạnh trong nhà bà T và bảo T3, Phạm Văn B (là con ruột của bị cáo L) phụ khiêng tài sản từ nhà bà T sang nhà bà H, cách nhà bà T khoảng 40m, gồm: 01 máy lạnh hiệu Panasonic Inverter 1.5HP, loại CS/CS-XU12UKH-8; 01 máy giặt hiệu Aqua Inverter 10 Kg, loại AQW-DR101GT BK; 01 cái tủ lạnh hiệu S 276 lít, loại RB27N4010DX/SV; 01 cái tivi hiệu Sony, loại KDL 48R550C 48 inch; 01 cái tivi hiệu Sony, loại KDL 40R350B 40 inch; 01 cái máy quạt gió hiệu Yanfan, loại D20CN, quạt đứng, đường kính cánh quạt là 50cm; 01 cái

giá võng nằm bằng sắt không nhãn hiệu. Mục đích, bị cáo L đem các tài sản gửi tại nhà bà H để cất giữ và chờ tìm người bán các tài sản này, nhưng chưa bán được. Đến ngày hôm sau, bà T hay tin bị cáo L lấy tài sản để bán, bà T nhắn tin thông báo cho bị cáo biết không đồng ý việc bị cáo tự ý lấy bán các tài sản khi bà T vắng nhà, nên L gửi lại các tài sản này tại nhà bà H. Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05/07/2023, bà T trở về nhà và đến cơ quan Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An trình báo vụ việc.

Vật chứng tạm giữ gồm có: 01 cái máy lạnh, hiệu Panasonic Inverter 1.5HP, loại CS/CS-XU12UKH-8; 01 cái máy giặt, hiệu Aqua Inverter 10 Kg, loại AQW-DR101GT BK; 01 cái tủ lạnh, hiệu S 276 lít, loại RB27N4010DX/SV; 01 cái tivi, hiệu Sony, loại KDL 48R550C 48 inch; 01 cái tivi, hiệu Sony, loại KDL 40R350B 40 inch; 01 cái máy quạt gió hiệu Yanfan, loại D20CN, quạt đứng, đường kính cánh quạt là 50cm; 01 cái giá võng bằng sắt, không nhãn hiệu, kích thước 180cm x 220cm.

Tại Kết luận định giá số 135/KL-HĐĐGTS ngày 08/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Long An kết luận: 01 máy lạnh, hiệu Panasonic Inverter 1.5HP, loại CS/CS-XU12UKH-8 trị giá 12.787.000 đồng; 01 máy giặt, hiệu A 10 Kg, loại AQW-DR101GT BK trị giá 7.688.000 đồng; 01 tủ lạnh, hiệu S 276 lít, loại RB27N4010DX/SV trị giá 5.901.000 đồng; 01 tivi hiệu Sony loại KDL 48R550C 48 inch trị giá 6.862.000 đồng; 01 cái tivi hiệu Sony, loại KDL 40R350B 40 inch trị giá 4.232.000 đồng; 01 máy quạt gió hiệu Yanfan, loại D20CN, quạt đứng, đường kính cánh quạt là 50cm trị giá 441.000 đồng; 01 cái giá võng bằng sắt, không nhãn hiệu trị giá 525.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 38.437.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2024/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Thúy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thúy L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chế định án treo, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 30/8/2024, bị hại bà Nguyễn Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại bà Nguyễn Thanh T không rút kháng cáo và trình bày về yêu cầu kháng cáo như sau: Không đồng ý cho bị cáo Huỳnh Thị Thúy L được hưởng án treo; yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với người liên quan gồm các ông Lý Trọng T3, Phạm Văn B và người làm chứng bà Nguyễn Thị T1.

Bị cáo Huỳnh Thị Thúy L trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của bị hại Nguyễn Thanh T về việc không cho bị cáo được hưởng án treo như án sơ thẩm đã xét xử. Mục đích của bị cáo lấy các tài sản của bà T để bán lấy tiền trả tiền lãi và vốn vay của bà T nợ bị cáo. Trước và sau khi lấy tài sản, bị cáo đều có nhờ ông Đ nhắn tin thông báo cho bà T biết nhưng bà T không có ý kiến phản hồi là đồng ý hay không đồng ý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là không oan cho bị cáo, nên bị cáo không có kháng cáo. Đối với các ông T3 và B là người được bị cáo L nhờ mang giúp các tài sản như trên của bà T, từ nhà bà T qua bên nhà của bà H là mẹ ruột của bà T, nhưng các ông T3 và B không hỏi, nên bị cáo không nói mục đích để làm gì. Đối với bà T1 không có phụ giúp gì trong việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của bà T.

Các ông Lý Trọng T3 và Phạm Văn B trình bày thống nhất về nội dung như sau: Ông T3 là em ruột của bị cáo L, sinh sống tạm tại nhà của bà H; ông B là con ruột của bị cáo L thường hay đến nhà bà H chơi. Sáng ngày 21/5/2023, bị cáo L có nhờ các ông T3 và B đi qua nhà của bà T để mang các tài sản như trên của bà T về bên nhà bà H. Các ông T3 và B không hỏi và bị cáo L cũng không nói mục đích mang tài sản của bà T về nhà bà H để làm gì. Hơn nữa, thấy bà T vắng nhà nhiều ngày trước đó cũng nghĩ là mang tài sản của bà T về nhà H để bảo quản giúp bà T. Do đó, các ông T3 và B không đồng ý với kháng cáo của bà T có liên quan đối với các ông.

Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Sáng ngày 21/5/2023, bà T1 không có phụ giúp gì đối với việc bị cáo L chiếm đoạt các tài sản như trên của bà T, nên không đồng ý với kháng cáo của bà T có liên quan đến bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người bị hại bà Nguyễn Thanh T kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Huỳnh Thị Thúy L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng pháp luật; mức hình phạt, loại hình phạt đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp. Người bị hại bà Nguyễn Thanh T kháng cáo không đồng ý cho bị cáo L được hưởng án treo và yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với người liên quan Lý Trọng T3, Phạm Văn B và người làm chứng Nguyễn Thị T1 là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư Nguyễn Trí M bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thị Thúy L trình bày: Thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt và loại hình phạt như án sơ thẩm đã xem xét đối với bị cáo L là phù hợp. Ngoài ra, Luật sư còn trình bày về điều kiện, hoàn cảnh gia đình hiện nay của bị cáo, nguyên

nhân dẫn đến bị cáo phạm tội, các điều kiện theo quy định của pháp luật về án treo và bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại đối với bị cáo L.

Bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn đang trực tiếp nuôi cha bị mắc bệnh nặng, mong được Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2024 người bị hại bà Nguyễn Thanh T có Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ việc và các yêu cầu kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Huỳnh Thị Thúy L khai nhận hành vi phạm tội như nội dung của án sơ thẩm đã nêu. Xét, lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị Thúy L phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo: Tại đơn kháng cáo, bị hại yêu cầu bảo vệ quyền và lợi hợp pháp, nhưng không nêu rõ là quyền lợi gì của bị hại chưa được án sơ thẩm xem xét hay xem xét chưa đầy đủ theo yêu cầu của bị hại trong vụ án, nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ nội dung kháng cáo, mà vẫn chấp nhận đơn kháng cáo và chuyển hồ sơ để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, là thiếu sót, gây bất lợi cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Về kháng cáo tại cấp phúc thẩm bị hại trình bày, thấy rằng:

[3.1] Về hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy mức án 01 năm 06 tháng mà án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là phù hợp. Xét về động cơ phạm tội của bị cáo, xuất phát từ khoản tiền bị hại nợ không trả mà còn lẩn tránh, nên muốn thu hồi nợ từ việc lấy tài sản của bị hại bán để cản trở, nên trước khi lấy tài sản và sau khi lấy được tài sản bị cáo đều có thông báo cho bị hại biết. Sau khi vụ việc bị phát hiện bị cáo đã giao nộp và trả lại cho người bị hại đầy đủ. Căn cứ vào Điều 65 Bộ luật Hình sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Việc cho bị cáo được hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, án sơ thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ. Người bị hại

kháng cáo cũng không cung cấp tình tiết gì để chứng minh việc cho bị cáo hưởng án treo là không đúng quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Về kháng cáo đối với các ông bà Lý Trọng T3, Phạm Văn B và Nguyễn Thị T1:

Đối với bà Nguyễn Thị T1: Không thừa nhận có phụ giúp bị cáo L mang tài sản của bà T, từ nhà bà T qua nhà bà H. Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không thể hiện bà T1 có giúp sức cho bị cáo L và bà T kháng cáo không cung cấp tài liệu gì để chứng minh, nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo của bà T đối với bà T1.

Đối với các ông Lý Trọng T3 và Phạm Văn B là người trực tiếp mang tài sản của bà T từ nhà bà T qua nhà bà H, không biết trước được mục đích của bị cáo L là chiếm đoạt tài sản để bán trừ cần tiền nợ. Hơn nữa, thời điểm này bà T vắng nhà, tài sản mang qua bên nhà của mẹ bà T cách đó khoảng 30m – 40m, các ông T3 và B đều khai mang tài sản như vậy là bảo quản tài sản cho bà T. Bà T kháng cáo không cung cấp tài liệu gì để chứng minh. Do đó, có đủ căn cứ xác định các ông T3 và B không đồng phạm với bị cáo L, nên không chấp nhận kháng cáo của bà T.

[4] Từ những căn cứ và nhận định trên: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thanh T, như đề nghị của điện diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thanh T về hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị Thúy L và yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với các ông bà Lý Trọng T3, Phạm Văn B và Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị Thúy L tại Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2024/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị Thúy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Thúy L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (Ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày 30/8/2024.

Giao bị cáo Huỳnh Thị Thúy L về Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Huỳnh Thị Thúy L có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Huỳnh Thị Thúy L thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về án phí:

Căn cứ: Các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Buộc bà Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện Đức Hoà (02);
- VKSND huyện Đức Hoà (01);
- CQĐT Công an huyện Đức Hoà (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Hoà (01);
- Bị cáo;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm